|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TAM NÔNG **TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 220/KH-MNHS | *Tam Nông, ngày 30 tháng 9 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**V/v thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

**và thống kê giáo dục năm học 2022-2023**

Căn cứ Công văn số 828/PGDĐT-CNTT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tam Nông về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023;

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, Trường Mầm non Hoa Sen xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023 với các nội dung như sau:

**I. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

 **1.** Tiếp tục bổ sung và sử dụng kho học liệu, nguồn tài nguyên giáo dục mầm non, kết hợp dạy học trực tiếp nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và đổi mới phương pháp dạy - học.

a) Tổ chức bổ sung và sử dụng kho học liệu, nguồn tài nguyên giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy - học ngay cả trong điều kiện trẻ đến lớp bình thường.

b) Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

c) Tăng cường tổ chức đánh giá việc thực hiện.

d) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu (CSDL) số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), tiến đến kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

**2.** Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị trong các cơ sở giáo dục, kết nối thông suốt với CSDL giáo dục địa phương và CSDL ngành.

a) Tiếp tục triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa cha mẹ trẻ với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục (hiện nay Bộ GDĐT đang có kế hoạch xây dựng phần mềm quản trị trong các cơ sở giáo dục dùng chung, miễn phí cho tất cả các cơ sở giáo dục, dự kiến hoàn thành trong năm 2023).

c) Triển khai hiệu quả các phần mềm giáo dục đã được trang bị phục vụ quản trị nhà trường, ứng dụng CNTT trong dạy học như: Quản lý thiết bị trường học (tại địa chỉ http://qltb.dongthap.gov.vn), quản lý tài chính, phần mềm tổ chức họp trực tuyến,…

**3**. Tiếp tục mở rộng, hoàn thiện CSDL về giáo dục (nếu có), cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, chính xác và kịp thời.

a) Tiếp tục xây dựng, mở rộng CSDL và triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn) nhằm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục; các cơ sở giáo dục tập trung hoàn thiện cập nhật mã số định danh của học sinh trên CSDL ngành Giáo dục theo từng kỳ học.

b) Việc xây dựng CSDL về giáo dục phải tuân thủ các quy định của Thông tư số 42/2021/TT - BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về CSDL GDĐT và Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của CSDL GDĐT của Bộ GDĐT.

c) Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non cấp Trường và Phòng GDĐT (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và Phòng GDĐT.

**4.** Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục

Tiếp tục triển khai dịch có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong ngành giáo dục, ưu tiên một số dịch vụ:

- Thực hiện các chế độ chính sách cho trẻ.

- Viên chức, người lao động sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến (nếu cần).

**5.** Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt.

Đẩy mạnh hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

**II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN**

**1.** Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, CĐS và công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

a) Phân công lãnh đạo phụ trách và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CĐS và công tác thống kê giáo dục: Bà Nguyễn Lâm Thi – Phó hiệu trưởng phụ trách chính.

b) Triển khai tập huấn giáo viên bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến (nếu cần), đảm bảo 100% giáo viên được cấp tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên.

c) Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và CĐS cho giáo viên, nhân viên. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và CĐS trong cơ sở giáo dục, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học; kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

**2.** Nhà trường xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT và CĐS giai đoạn 2022 - 2025: Xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể triển khai trong từng năm học; tăng cường các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT và CĐS; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

**3.** Tăng cường công tác thể chế: Nhà trường chủ trì quản lý hệ thống thông tin và CSDL giáo dục cần tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm cho từng cá nhân rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm báo tính chính xác của dữ liệu thành phần trên CDSL ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu.

**4.** Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, CĐS giáo dục

a) Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CĐS; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong cơ sở giáo dục; đảm bảo đủ thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

c) Tham mưu cấp thẩm quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ cơ sở giáo dục, giáo viên và trẻ; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị (nếu có).

**5.** Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, CĐS trong các hoạt động GDĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày CĐS quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

**6.** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển khai ứng dụng CNTT, CĐS, công tác thống kê trong giáo dục.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các tổ, bộ phận, cá nhân thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2022-2023 phù hợp với thực tế của tổ, bộ phận, cá nhân. Nội dung này, nhà trường sẽ kiểm tra đánh giá lồng ghép vào các đợt kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023.

Nhà trường thực hiện đánh giá, sơ kết và tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2022 - 2023; lập báo cáo đánh giá gửi về Phòng GDĐT theo đúng thời gian quy định (báo cáo sơ kết chậm nhất ngày 13/01/2023, báo cáo tổng kết chậm nhất ngày 23/5/2023).

Lưu ý: Các báo cáo sơ kết, tổng kết yêu cầu gửi về Phòng GDĐT qua email: sang.pgd.tamnong@gmail.com (bằng hình thức văn bản điện tử, ký số).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023 của trường mầm non Hoa Sen./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **HIỆU TRƯỞNG** |
| - Phòng GDĐT (báo cáo);- Các VC, NLĐ (thực hiện);- Lưu: VT. | **Nguyễn Thị Hồng Luyến** |

**PHỤ LỤC**

**Một số văn bản về triển khai ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2022 - 2023**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 220/KH-MNHS về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023)*

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

2. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

3. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;

4. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

5. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch CĐS;

6. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

7. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”, trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;

8. Kế hoạch số 345/KH-BGDĐT ngày 23/5/2017 về việc thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”;

9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và CĐS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

10. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

11. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

12. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng CNTT trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

14. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

15. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại Sở GDĐT, phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ GDĐT Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

20. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu GDĐT;

21. Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và CĐS trong GDĐT giai đoạn 2022 – 2025;

22. Quyết định số 861/QĐ-UBND-HC ngày 05/8/2022 của UBND Tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Đề án CĐS tỉnh Đồng Tháp;

23. Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 25/04/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thúc đẩy CĐS tỉnh Đồng Tháp năm 2022;

24. Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

25. Kế hoạch số 76/KH-SGDĐT ngày 26/07/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về giáo dục STEM/STEAM và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025;

26. Công văn số 1164/SGDĐT-GDTrHTX&CN ngày 15/9/2022 về việc Hướng dẫn triển khai giáo dục STEM trong Giáo dục trung học.

Mẫu báo cáo dành cho các trường

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TAM NÔNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG............…………** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /BC- … | *......................, ngày tháng năm 202...* |

**BÁO CÁO**

**Sơ kết (hoặc tổng kết) Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023**

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số ........../PGDĐT-CNTT ngày ….. tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2022 - 2023;

Trường.....………. báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023 như sau:

 **1. Ưu điểm:**

................................

**2. Hạn chế:**

................................

**3. Giải pháp:**

.................................

**4. Kiến nghị:**

……………………

*(Chi tiết số liệu đánh giá kết quả theo phụ lục đính kèm).*

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2022 - 2023 của Trường………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **HIỆU TRƯỞNG** |
| - Như trên;- Lưu: VT............... | *(Ký tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC**

(*Kèm theo Báo cáo số………/...............của Trường……….*)

| **TT** | **Nội dung báo cáo** | **Kết quả** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS trong các hoạt động dạy học | Báo cáo kết quả thực hiện về dạy học trực tuyến |  |
| Báo cáo kết quả tham gia cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử của Bộ, Sở GDĐT, tham gia đóng góp học liệu trên Kho học liệu số |  |
| Báo cáo về số lượng bài giảng điện tử, học liệu điện tử đã thu thập được trong ngành |  |
| Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % giáo viên được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng dạy học trực tuyến trong năm học |  |
| Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % học sinh được tham gia học trực tuyến trong năm học (đối với: Tiểu học, THCS) |  |
| Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các cơ sở giáo dục triển khai phần mềm thư viện điện tử (đối với Tiểu học, THCS) |  |
| 2 | Ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS trong các hoạt động quản lý giáo dục | Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường sử dụng phần mềm quản lý trường học |  |
| Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường có phần mềm quản lý trường học kết nối báo cáo dữ liệu thành công với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục |  |
| Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường sử dụng sổ điểm điện tử |  |
| Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường ứng dụng thanh toán học phí không dùng tiền mặt |  |
| Báo cáo về số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã triển khai |  |
| 3 | Các điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS | Quy chế quản lý; báo cáo kết quả khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục |  |
| Báo cáo số lượng máy tính dạy môn Tin học, làm quen tin học (Mầm non, Tiểu học, THCS) |  |
| Báo cáo trường học chưa kết nối Internet cáp quang |  |
| Báo cáo số lượng học sinh đã có Internet học trực tuyến |  |
| Báo cáo số lượng đội ngũ được tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin |  |
| 4 | Công tác thống kê giáo dục | Báo cáo kết quả thực hiện thống kê đầu năm học (chưa báo cáo, chậm tiến độ, đúng hạn) |  |
| Báo cáo kết quả thực hiện thống kê cuối năm học (chưa báo cáo, chậm tiến độ, đúng hạn) |  |
| Báo cáo kết quả thực hiện cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục |  |